

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn :** Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**

Sản xuất kinh doanh: Vật liệu xây dựng (gạch ngói, các loại tấm lợp...) đường ống thoát nước và phụ kiện nước, thiết bị gia công chế biến gỗ dân dụng và gỗ xây dựng, cầu kiện đúc sẵn, bê tông thương phẩm; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp, lắp đặt đường điện chiếu sáng, trang trí nội thất ngoại thất; Đầu tư kinh doanh nhà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại nhà máy CMC2 – Khu Công Nghiệp Thụy Vân – thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá mua vào trung bình của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tại nhiều ngân hàng thương mại có công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì khi quy đổi thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/6/2014 : 21.298 VND/USD
28.899 VND/EUR

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

14. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	782.913.535	526.461.259
Tiền gửi ngân hàng	12.256.670.535	50.518.342.810
Cộng	13.039.584.070	51.044.804.069

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	17.113.568.777	14.660.265.309
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	324.927.280	324.927.280
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	2.019.439.937	815.105.188
Tại Chi nhánh Hà Nội	4.435.918.548	4.435.918.548
Cộng	23.893.854.542	20.236.216.325

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	2.564.195.911	6.012.247.951
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	84.000.000	156.000.000
Cộng	2.648.195.911	6.168.247.951

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu Tổng Công ty Sông Hồng	694.740.506	694.740.506
Phải thu chi nhánh Miền Trung - Công trình		
Chợ Vinh chưa quyết toán	584.352.672	584.352.672
Các khoản phải thu khác	1.493.111.601	125.328.552
Cộng	2.772.204.779	1.404.421.730

5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ quá hạn 3 năm	1.320.645.552	1.320.645.552
Cộng	1.320.645.552	1.320.645.552

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	89.267.130.018	70.683.922.159
Công cụ, dụng cụ	1.839.750.119	1.261.147.379
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.324.124.319	1.324.124.319
Thành phẩm	63.419.499.024	53.999.225.802
Hàng hóa	3.428.661.116	3.001.029.886
Cộng	159.279.164.596	130.269.449.545

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Là giá trị dở dang công trình Nam Trung Yên do Chi nhánh Hà Nội thi công cho Tổng Công ty Sông Hồng nhưng chưa quyết toán được.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa lò hơi	-	85.300.570
Cộng	-	85.300.570

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	409.829.488	129.029.488
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.264.342.921	38.000.000
Cộng	1.674.172.409	167.029.488

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	118.828.560.010	385.703.978.333	17.925.580.181	1.450.072.420	523.908.190.944
Tăng trong kỳ do mua mới	-	70.000.000	-	-	70.000.000
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	7.115.345.455	13.140.531.908	-	-	20.255.877.363
Tăng do phân loại lại	-	9.753.288.400	-	-	9.753.288.400
Giảm do phân loại lại	(9.753.288.400)	-	-	-	(9.753.288.400)
Số cuối kỳ	116.190.617.065	408.667.798.641	17.925.580.181	1.450.072.420	544.234.068.307
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	32.850.415.644	209.354.704.671	10.121.740.566	845.182.810	253.172.043.691
Tăng do khấu hao trong kỳ	6.233.421.764	11.136.557.520	1.238.303.610	115.105.042	18.723.387.936
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	39.083.837.408	220.491.262.191	11.360.044.176	960.287.852	271.895.431.627
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	85.978.144.366	176.349.273.662	7.803.839.615	604.889.610	270.736.147.253
Số cuối kỳ	77.106.779.657	188.176.536.450	6.565.536.005	489.784.568	272.338.636.680

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang CP SXKD dở dang	Số cuối kỳ
Nhà máy Sản xuất gạch CMC số 2	4.762.828.675	19.986.947.551	20.255.877.363	4.493.898.863
	4.762.828.675	19.986.947.551	20.255.877.363	4.493.898.863

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	48.072.720	-	24.822.720	23.250.000
Chi phí Cải tạo đường ống và sửa chữa lò khí hóa than	-	1.165.700.000	48.570.833	1.117.129.167
Tiền thuê đất trả trước	7.450.080.129		754.637.883	6.695.442.246
Cộng	7.498.152.849	1.165.700.000	828.031.436	7.835.821.413

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	93.555.369.806	121.913.658.384
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (a)	50.137.323.943	45.626.696.118
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TX Phú Thọ (b)	43.418.045.863	44.824.308.906
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì (c)	-	31.462.653.360
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	7.372.021.092	6.374.902.391
Vay dài hạn đến hạn trả	20.396.296.642	16.255.778.139
Cộng	121.323.687.540	144.544.338.914

(a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2014/HĐTD ngày 24 tháng 6 năm 2014; hạn mức vay vốn 85.000.000.000 VND; hạn mức mở L/C 25.000.000.000 VND; trong đó đã bao gồm toàn bộ dự nợ vay ngắn hạn và dư nợ mở L/C chưa đến hạn thanh toán, dư bảo lãnh thanh toán dự kiến thanh toán bằng vốn vay của bên vay tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 25 tháng 6 năm 2013; lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm vay.

(b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 13290008/2013 – HĐTDHM/NHCT244 - CTCPCMC ngày 23 tháng 8 năm 2013; hạn mức cho vay ngắn hạn 45.000.000.000 VND; hạn mức mở L/C 15.000.000.000 VND; mục đích sử dụng tiền vay để sản xuất gạch ốp lát Ceramic; lãi suất cho vay trong hạn là lãi được ghi trên từng giấy nhận nợ, được xác định và điều chỉnh theo quy định thỏa thuận.

(c): Khoản vay Ngân hàng TNHH Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì theo Thông báo tín dụng ngày 20 tháng 8 năm 2013; thời hạn 12 tháng; hạn mức cho vay ngắn hạn 50.000.000.000 VND mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gạch men, gạch ốp

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

lát, thanh toán trả lương; hạn mức mở L/C 50.000.000.000 VND mục đích thanh toán nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men, ốp lát.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	121.913.658.384	225.866.315.365	-	254.224.603.943	93.555.369.806
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	45.626.696.118	153.495.891.630	-	148.985.263.805	50.137.323.943
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TX Phú Thọ	44.824.308.906	72.370.423.735	-	73.776.686.778	43.418.045.863
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Phú Thọ	31.462.653.360		-	31.462.653.360	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	6.374.902.391	2.290.500.000	-	1.293.381.299	7.372.021.092
Vay dài hạn đến hạn trả	16.255.778.139	-	20.396.296.642	16.255.778.139	20.396.296.642
Cộng	144.544.338.914	228.156.815.365	20.396.296.642	271.773.763.381	121.323.687.540

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	114.410.261.881	82.299.278.984
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	72.000.000	72.000.000
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	22.620.045	-
Tại chi nhánh Hà Nội	2.884.289.120	2.884.289.120
Cộng	117.389.171.046	85.255.568.104

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	1.700.580.277	1.385.048.314
Tại chi nhánh Đà Nẵng	11.537.666	99.727.337
Cộng	1.712.117.943	1.484.775.651

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.426.732.522	16.844.007.930	7.951.564.524	15.413.378.696
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.436.314.300	-	2.436.314.300
Thuế xuất, nhập khẩu	-	82.573.235	-	82.573.235
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.983.194.097	6.233.882.947	8.532.107.757	6.684.969.287
Thuế thu nhập cá nhân	1.041.994.403	63.560.510	-	1.105.554.913
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	330.619.800	-	330.619.800
Các loại thuế khác (thuế nhà thầu, môn bài)	34.940.501	3.000.000	3.000.000	34.940.501
Cộng	16.486.861.523	25.993.958.722	16.486.672.281	26.088.350.732

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.387.206.222	7.852.737.051
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.187.633.523	255.225.562
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.187.633.523	255.225.562
<i>Chi phí thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành</i>		84.000.000
<i>Thuế bị truy thu, bị phạt</i>	1.141.115.529	104.191.428
<i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	46.517.994	67.034.134
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	26.574.839.745	8.107.962.613
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	<i>5.846.464.744</i>	<i>2.026.990.653</i>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.846.464.744	2.026.990.653

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	-	708.392.798
Cộng	-	708.392.798

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.166.621.759	1.271.066.359
Bảo hiểm xã hội	1.533.691.254	1.417.483.210
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	482.410.000	1.835.993.154
Chiết khấu thương mại phải trả các Đại lý	1.387.243.810	2.544.401.811
Thưởng các Đại lý phân phối	-	757.000.000
Phải trả tiền đảm bảo trách nhiệm của người lao động	58.000.000	63.000.000
Tiền ủng hộ của CB CNV	-	235.321.702
Phải trả tiền chế độ bảo hiểm xã hội	-	25.632.317
Phải trả, phải nộp khác	2.957.635.813	2.739.225.753
Cộng	7.585.602.636	10.889.124.306

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối kỳ	Năm trước
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.598.372.963	4.868.772.963
Cộng	1.598.372.963	4.868.772.963

19. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	73.853.730.238	97.296.229.619
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ(a)	4.188.211.800	4.668.564.800
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (b1,b2)	5.358.539.850	5.315.568.454
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì (c)	64.306.978.588	87.312.096.365
Cộng	73.853.730.238	97.296.229.619

(a): Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1229002/HĐTD ngày 24 tháng 04 năm 2012; thời hạn vay 42 tháng; lãi suất trong hạn là lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành cộng chi phí huy động vốn tăng thêm; Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 03 máy in trang trí m/c Rotocolor evolution, 01 máy mài cạnh khô và 05 xe nâng hàng.

(b1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐ ngày 15 tháng 8 năm 2013 để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất gạch Ceramic, số tiền vay tối đa là 25.800.000.000 VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi); thời hạn vay là 48 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng, thời gian trả nợ là 45 tháng; lãi suất cho vay VND là lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi suất cho vay USD là lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án sau khi đầu tư.

(b2): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐ ngày 17 tháng 01 năm 2014 để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất gạch Ceramic, số tiền vay tối đa 6.586.000.000 VND; thời hạn vay 48 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng, thời gian trả nợ là 45 tháng, lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 03 tháng 1 lần. Khoản vay này được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC ngày 17 tháng 01 năm 2014, là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo dự án đầu tư đã được duyệt, tổng giá trị thế chấp được dự toán là 9.964.000.000 VND.

(c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Việt Trì theo hợp đồng tín dụng trung, dài hạn tháng 8 năm 2010 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy số 2 (giai đoạn 1) để sản xuất gạch Ceramic. số tiền vay 14.000.000.000 VND; Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo các khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Dây chuyền thiết bị sản xuất gạch Ceramic công suất: 5.000.000 m²/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số kết chuyển	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	97.296.229.619	2.265.227.342	5.311.430.081	20.396.296.642	73.853.730.238
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ	4.668.564.800	-	192.141.200	288.211.800	4.188.211.800
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	5.315.568.454	2.265.227.342	1.810.630.946	411.625.000	5.358.539.850
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Phú Thọ	87.312.096.365	-	3.308.657.935	19.696.459.842	64.306.978.588
Cộng	97.296.229.619	2.265.227.342	5.311.430.081	20.396.296.642	73.853.730.238

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	80.000.000.000	9.134.644.710	(3.473.940.000)	15.573.514.500	2.446.135.447	18.863.229.677	122.543.584.334
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	19.540.741.478	19.540.741.478
Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	9.134.644.710	(3.473.940.000)	15.573.514.500	2.446.135.447	38.403.971.155	142.084.325.812

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	9.134.644.710	9.134.644.710
Cổ phiếu quỹ	(3.473.940.000)	(3.473.940.000)
Cộng	85.660.704.710	85.660.704.710

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi cổ tức các kỳ trước	1.353.583.154	83.547.675
Cộng	1.353.583.154	83.547.675

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	205.900	205.900
- Cổ phiếu phổ thông	205.900	205.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.794.100	7.794.100
- Cổ phiếu phổ thông	7.794.100	7.794.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	301.702.410.822	233.149.596.208
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>917.560.700</i>	<i>1.340.066.316</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>300.784.850.122</i>	<i>231.809.529.892</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.024.823.850)	(4.537.633.576)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(4.849.649.350)</i>	<i>(4.436.053.976)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(117.228.500)</i>	<i>(25.288.000)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(57.946.000)</i>	<i>(76.291.600)</i>
Doanh thu thuần	296.677.586.972	228.611.962.632

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	748.977.411	1.079.145.425
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	241.983.848.038	195.587.328.647
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.786.503.206)
Cộng	242.732.825.449	194.879.970.866

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	45.242.781	114.110.784
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	15.479.711
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.794.801
Cộng	45.242.781	131.385.296

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.922.137.034	12.420.737.052
Lỗ CLTG đã thực hiện	45.117.347	-
Cộng	9.967.254.381	12.420.737.052

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	943.681.085	990.317.653
Chi phí khấu hao TSCĐ	113.481.744	151.569.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.316.137.872	1.789.274.552
Chi phí bằng tiền khác	-	1.089.213.727
Cộng	3.373.300.701	4.020.375.478

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.341.374.666	3.979.114.755
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.676.818	10.260.907
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.325.327.643	1.012.926.305
Thuế, phí và lệ phí	12.249.098	4.553.118
Chi phí dự phòng	-	(1.932.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.796.062.374	4.323.799.177
Chi phí bằng tiền khác	6.600.472.595	1.058.991.785
Cộng	15.089.163.194	10.387.714.047

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán phế liệu	1.014.553.717	1.057.665.643
Thu nhập khác	-	119.642.363
Cộng	1.014.553.717	1.177.308.006

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị phế liệu xuất bán trong năm	-	187.895.878
Thuế GTGT bị phạt	753.697.326	104.191.428
Thuế TNDN bị phạt	387.418.203	-
Phạt chậm nộp BHXH	46.517.994	67.034.134
Cộng	1.187.633.523	359.121.440

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.540.741.478	5.825.746.398
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.540.741.478	5.825.746.398
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.794.100	7.794.100
Cộng	2.507	747

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.794.100	7.794.100
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.794.100	7.794.100

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.174.864.200	826.293.900
Cộng	1.174.864.200	826.293.900

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần CMC là sản xuất gạch men các loại. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.039.584.070	51.044.804.069	13.039.584.070	51.044.804.069
Phải thu khách hàng	22.573.208.990	18.915.570.773	22.573.208.990	18.915.570.773
Các khoản phải thu khác	4.446.377.188	1.571.451.218	4.446.377.188	1.571.451.218
Cộng	40.059.170.248	71.531.826.060	40.059.170.248	71.531.826.060
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	195.177.417.778	241.840.568.533	195.177.417.778	241.840.568.533
Phải trả người bán	117.389.171.046	85.255.568.104	117.389.171.046	85.255.568.104
Các khoản phải trả khác	17.106.789.564	18.618.410.054	17.106.789.564	18.618.410.054
Cộng	329.673.378.388	345.714.546.691	329.673.378.388	345.714.546.691

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.12, V.19). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị còn lại sổ sách
Số cuối năm	
Nhà cửa vật kiến trúc	65.916.174.835
Máy móc thiết bị	164.030.685.800
Dụng cụ quản lý	430.169.952
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (nhà máy CMC 2)	4.493.898.863
Cộng	234.870.929.450

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	121.323.687.540	73.853.730.238	-	195.177.417.778
Phải trả người bán	117.389.171.046	-	-	117.389.171.046
Các khoản phải trả khác	17.020.389.564	86.400.000	-	17.106.789.564
Cộng	255.733.248.150	73.940.130.238	-	329.673.378.388
Số đầu năm				
Vay và nợ	144.544.338.914	97.296.229.619	-	241.840.568.533
Phải trả người bán	85.255.568.104	-	-	85.255.568.104
Các khoản phải trả khác	18.532.010.054	86.400.000	-	18.618.410.054
Cộng	248.331.917.072	97.382.629.619	-	345.714.546.691

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt.

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy